TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2022/HS-ST
Ngày: 30 - 3 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đăng Đông và ông Nhữ Văn V.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa và bà Phạm Thị H – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 71/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 10 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/HSST-QĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022; Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 29/2022/TB-TA ngày 14 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/HSST-QĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022; Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 34/2022/TB-TA ngày 11 tháng 3 năm 2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 38/TB-TA ngày 17 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ VŨ VĂN V - Sinh năm 1996.

Nơi sinh: Xã NQ, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn BX, xã NQ, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông Vũ Văn Qu, sinh năm 1976 và bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1974.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Tạm giữ; Tạm giam: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ NGUYỄN THỊ H - Sinh năm 1990.

Nơi sinh: Huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Khu LC, phường TM, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông Nguyễn Công M, đã chết và bà Trần Thị D, sinh năm 1973.

Bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Họ tên chồng: Vũ Trung C, sinh năm 1988. Bị cáo có 02 con sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2022.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Tạm giữ; Tạm giam: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/ LÊ VĂN T - Sinh năm 1994.

Nơi sinh: Xã BX, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn K, xã BX, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông Lê Văn Nh, sinh năm 1969 và bà Vũ Thị Th, sinh năm 1970.

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba.

Họ tên vợ: Phạm Thị D, sinh năm 1994 (đã ly hôn). Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

- Bị hại: Công ty TNHH A Việt Nam.

Địa chỉ: Cụm công nghiệp NQ, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lim Baik C – Tổng giám đốc Công ty TNHH A Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Bà Phan Thị Bích W – Trưởng phòng hành chính – nhân sự Công ty TNHH A Việt Nam (*vắng mặt*).

+ Ông Phạm Văn H, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn PA, xã CA, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (*có mặt)*.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Đình Th, sinh năm 1982 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Khu 4, thị trấn Thanh CH, huyện Thanh CH, tỉnh Nghệ An.

- Người làm chứng

+ Anh Trương DA - Sinh năm 1994.

+ Chị Lê Thị L, sinh năm 1990.

+ Ông Bùi Công D - Sinh năm 1961.

+ Anh Nguyễn Đức Toàn - Sinh năm 1982.

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn V và Lê Văn T là công nhân lái xe nâng của Công ty TNHH A Việt Nam (gọi tắt là Công ty A) có địa chỉ tại cụm công nghiệp xã NQ, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (Công ty A chuyên sản xuất đèn Led các loại và Module). Quá trình làm việc, V, T thấy nhiều pallet (kệ kê hàng) chứa đĩa nhôm bị lỗi sơn để ở bên ngoài xưởng sản xuất, không có người trông coi, quản lý nên đã nảy sinh ý định câu kết với các đối tượng bên ngoài công ty chiếm đoạt mang ra ngoài bán lấy tiền chia nhau. V, T thống nhất T làm nhiệm vụ quan sát xem trong kho có hàng nào bị lỗi sơn, có thể lấy được thì báo cho V, còn V làm nhiệm vụ lái xe nâng để nâng hàng lên xe ô tô để vận chuyển hàng ra ngoài tiêu thụ. Sau khi thống nhất với T, V liên lạc với Nguyễn Thị H (V biết H từ trước thông qua anh Nguyễn Đình Th vì trước đây Th cũng làm ở Công ty A, nay đã nghỉ việc) rủ H lấy hàng của công ty và bảo H khi nào có hàng thì thuê xe ô tô vào công ty để chở các pallet nhôm của công ty mang ra ngoài bán lấy tiền chia nhau, H đồng ý.

Sáng ngày 18/4/2021, V sử dụng điện thoại Iphone X, lắp sim số 0965.002.795 nhắn đến số điện thoại 0969.703.498 của T hỏi "*mai có làm không*" - ý hỏi T là có hàng nào bị lỗi có thể lấy được mang đi bán không, T

nhắn lại "*để xem đã, có 03 Pallet để ngoài sân, có thể lấy được*" - ý là có 3 pallet đựng mặt hàng đĩa nhôm bị lỗi để ở ngoài sân có thể lấy được.

Sáng ngày 19/4/2021, V sử dụng điện thoại lắp sim số 0965.002.795 nhắn tin vào số 0966.848.942 của H với nội dung "*hôm nay làm được chị"* - ý là có cơ hội để lấy hàng ra khỏi công ty mang đi bán, H nhắn tin lại cho V "*ok, để chị đi thuê xe*". Khoảng 14 giờ ngày 19/4/2021, H gọi điện cho anh Nguyễn Đức Toàn thuê anh T chở hàng, anh T đồng ý. Khoảng 16 giờ cùng ngày, anh T điều khiển xe ô tô tải BKS 34C-183.86 chở H đến Công ty A, H xuống xe gặp ông Bùi Công D là bảo vệ để đăng ký vào công ty. Anh T điều khiển xe ô tô chở H đi vào trong sân gặp V, V hướng dẫn anh T quay đầu xe lại rồi V lái xe nâng, nâng 03 Pallet đựng đĩa nhôm bị lỗi sơn của công ty để lên thùng xe ô tô của anh T rồi V đưa cho H 01 tờ Phiếu xuất kho số 202102-25 đề ngày 22/02/2021 có đóng dấu *Đã kiểm tra* (do V nhặt được trước đó ở thùng rác của công ty) để qua cổng bảo vệ kiểm tra. Khi ra đến cổng bảo vệ, H đưa cho ông D tờ Phiếu xuất kho trên, ông D nhìn thấy dấu *Đã kiểm tra* nên tưởng là hàng do Công ty xuất ra nên đồng ý để H đi.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản, H tìm trên mạng thấy trang Website của anh Trương DA ở thôn D, xã DT, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đăng thu mua phế liệu giá cao. H lấy số điện thoại trên Website rồi gọi điện cho anh DA trao đổi việc mua bán đĩa nhôm và hẹn gặp nhau ở Trạm cân điện tử đoạn Khu công nghiệp Đại An, thành phố Hải Dương, anh DA đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày, anh DA điều khiển xe ô tô tải đến gặp H ở chỗ hẹn, H bán cho anh DA toàn bộ số tài sản lấy được nêu trên với giá 71.000.000đ. Sau đó, anh DA đã mang toàn bộ 03 pallet vừa mua của H đến nhà chị Lê Thị L ở thôn MX, xã VM, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh cân, xác định 03 pallet đĩa nhôm có tổng khối lượng là 1.759kg và anh DA bán cho chị L được 82.250.000đ. Chị L đã cho toàn bộ số đĩa nhôm mua được vào lò luyện kim và gia công thành phôi để bán cho khách hàng.

Số tiền có được từ việc bán tài sản đã chiếm đoạt của Công ty A, H đã chia cho V 23.000.000đ, V đã chia cho T 3.000.000đ và sử dụng chi tiêu cá nhân hết; Số tiền 48.000.000đ còn lại H chuyển khoản trả nợ anh Th 3.000.000đ và sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, Công ty A đã kiểm tra hệ thống Camera an ninh và phát hiện V là người đã lái xe nâng đưa 03 pallet đĩa nhôm lên xe ô tô để vận chuyển ra ngoài. Ngày 28/4/2021, chị Phan Thị Bích W là người đại diện theo ủy quyền của công ty đã trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Giang. Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập và làm việc với Vũ

Văn V, V đã khai nhận cùng với H và T thực hiện hành vi chiếm đoạt số tài sản trên của Công ty A; Ngày 18/7/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Giang triệu tập làm việc với anh Th, anh Th tự nguyện giao nộp số tiền 3.000.000đ và ngày 17/8/2021, T tự nguyện giao nộp số tiền 3.000.000đ.

Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐG ngày 01/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện Bình Giang kết luận: Các đĩa đèn làm bằng nhôm được xếp chồng lên nhau trong 03 Pallet bằng nhựa của Công ty A có tổng khối lượng 1.759kg, tổng trị giá 124.009.500đ; 03 pallet bằng nhựa hiện chỉ còn giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị Bích W là đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH A yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 124.009.500đ. Ngày 01/10/2021, các bị cáo V, H và T đã tự nguyện bồi thường cho Công ty A số tiền là 135.000.000đ để khắc phục toàn bộ thiệt hại. Ông Phạm Văn H là người đại diện cho Công ty A nhận số tiền nêu trên và đến nay không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Về vật chứng của vụ án: Đối với 03 pallet có chứa số đĩa nhôm có tổng khối lượng 1.759kg, chị Lê Thị L đã gia công, đúc lại thành phôi để bán cho khách hàng nên Cơ quan điều tra - Công an huyện Bình Giang không thu hồi được.

Số tiền 3.000.000đ anh Th tự nguyện giao nộp, số tiền 3.000.000đ do bị cáo T giao nộp; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X, lắp sim số 0965.002.795 thu của V; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung A8 lắp sim số 0966.848.942 thu của H; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS Max lắp sim số 0969.703.498 thu của T là vật chứng của vụ án, hiện Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Giang đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang để xử lý trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

Tại bản Cáo trạng số 60/CT-VKS ngày 10/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Vũ Văn V, Nguyễn Thị H và Lê Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Do người đại diện của Công ty A xuất trình thêm chứng cứ và yêu cầu điều tra bổ sung nên ngày 30/9/2021, Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang. Sau khi điều tra bổ sung, tại Bản kết luận điều tra bổ sung số 01/KLĐTBS ngày 30/11/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Giang đã xác định không dấu hiệu tội phạm Trộm cắp tài sản các ngày 17/3/2021, 24/3/2021, 26/3/2021 và giữ nguyên nội dụng

Bản kết luận điều tra đề nghị truy tố trước đó do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang đã có Thông báo số 04/CV-VKS ngày 09/12/2021 giữ nguyên nội dung Cáo trạng số 60/CT-VKS ngày 10/9/2021 truy tố đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Văn V, Nguyễn Thị H và Lê Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Các bị cáo công nhận Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng. Người đại diện theo ủy quyền của bị hại có mặt tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn V, Nguyễn Thị H và Lê Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo H.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Vũ Văn V từ 33 tháng đến 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Văn V cho Uỷ ban nhân dân xã NQ, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 33 tháng đến 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Uỷ ban nhân dân phường TM, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 27 tháng đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 tháng đến 60 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn T cho Uỷ ban nhân dân xã BX, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 2 Điều 32, khoản 5 Điều 173 BLHS, đề nghị áp dụng hình bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, mỗi bị cáo từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ sung quỹ nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS, đề nghị:

+ Tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền 3.000.000đ anh Th giao nộp và số tiền 3.000.000đ do bị cáo T giao nộp.

+ Tịch thu, phát mại, sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X lắp sim số 0965.002.795 thu giữ của V; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A8 lắp sim số 0966.848.942 thu giữ của H và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max lắp sim số 0969.703.498 thu giữ của T.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Vũ Văn V, Nguyễn Thị H, Lê Văn T phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính W pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang; Điều tra viên; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều W pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo Vũ Văn V và đồng phạm:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù W lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người đại diện của bị hại, người làm chứng; phù W với biên bản xác định hiện trường kèm theo sơ đồ hiện trường, vật chứng thu

giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 19/4/2021 tại Công ty TNHH A Việt Nam có địa chỉ tại Cụm công nghiệp NQ, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, Vũ Văn V, Nguyễn Thị H và Lê Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 03 pallet chứa đĩa nhôm có tổng khối lượng là 1.759kg với tổng giá trị là 124.009.500đ của Công ty A. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ hành vi lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo chiếm đoạt của Công ty A 03 pallet chứa đĩa nhôm, có tổng khối lượng là 1.759kg với tổng giá trị là 124.009.500đ nên có đủ cơ sở khẳng định hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về vị trí, vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo Vũ Văn V là người nảy sinh ý định phạm tội, trực tiếp thực hiện hành vi lái xe nâng để đưa tài sản lên ô tô vận chuyển ra ngoài tiêu thụ nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Thị H là người thực hành, thực hiện hành vi thuê xe, nhận tài sản mang ra ngoài tiêu thụ, phân chia số tiền thu được từ việc bán tài sản do phạm tội mà có nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo T là người giúp sức, T đã thông báo cho V biết về việc có tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên giữ vai trò thứ ba trong vụ án. Do đó, khi quyết định hình phạt cần căn cứ vào vai trò của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt cho phù W.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo V, H, T đều đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty A; người đại diện theo ủy quyền của Công ty A đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, bị cáo H được xác định là phụ nữ có thai nên còn được hưởng tình tiết

giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo V, H, T đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã khắc phục bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại và người đại diện của bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên xét thấy không cần thiết buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo V, H, T hưởng án treo cũng đủ sức giáo dục, cải tạo các bị cáo thành Công D tốt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội vì mục đích vụ lợi nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS đối với các bị cáo V, H, T để góp phần giáo dục các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 01/10/2021, các bị cáo Vũ Văn V, Nguyễn Thị H và Lê Văn T đã tự nguyện bồi thường cho Công ty A tổng số tiền là 135.000.000đ (mỗi bị cáo 45.000.000đ) để khắc phục toàn bộ các thiệt hại xảy ra ngày 19/4/2021, người đại diện theo ủy quyền của Công ty A đã nhận đủ số tiền nêu trên và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên về trách nhiệm dân sự trong vụ án đã giải quyết xong và không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 03 pallet có chứa các đĩa nhôm có tổng khối lượng là 1.759kg, chị Lê Thị L gia công, đúc lại thành phôi để bán cho khách hàng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Bình Giang không thu hồi được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với số tiền 3.000.000đ anh Th tự nguyện giao nộp và số tiền 3.000.000đ do T giao nộp, anh Th và bị cáo T đều tự nguyện không đề nghị nhận lại số tiền nêu trên nên cần tịch thu, sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X lắp sim số 0965.002.795 thu giữ của V; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A8 lắp sim số 0966.848.942 thu giữ của H và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max lắp sim số 0969.703.498 thu giữ của T là công cụ các bị cáo sử dụng liên lạc với nhau để thực hiện việc trộm cắp tài sản nên cần tịch thu, phát mại, sung quỹ nhà nước đối với các vật chứng nêu trên.

[9] Về các vấn đề khác: Anh Nguyễn Đức Toàn được H thuê chở hàng, anh Trương DA và chị Lê Thị L mua tài sản từ H nhưng đều không biết nguồn gốc tài sản do các bị cáo phạm tội mà có; ông Bùi Công D là bảo vệ của Công ty A nhưng không biết việc H đưa xe ô tô vào để chiếm đoạt tài sản của Công ty; anh Nguyễn

Đình Th nhận số tiền 3.000.000đ của H trả nợ nhưng không biết nguồn gốc số tiền là do H phạm tội mà có nên không đặt ra việc xử lý trách nhiệm của những người nêu trên.

[10] Về án phí: Các bị cáo Vũ Văn V, Lê Văn T, Nguyễn Thị H bị kết án nên phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Văn V, Nguyễn Thị H và Lê Văn T; Áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị H;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn V, Nguyễn Thị H và Lê Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Vũ Văn V **36** (*ba mươi sáu*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách **60** (*sáu mươi*) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Văn V cho UBND xã NQ, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối W với chính quyền địa pH trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.2 Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H **33** (*ba mươi ba*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách **60** (*sáu mươi*) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho UBND phường TM, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối W với chính quyền địa pH trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.3 Xử phạt bị cáo Lê Văn T **27** (*hai mươi bảy*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách **54** (*năm mươi tư*) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn T cho UBND xã BX, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối W với chính quyền địa pH trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường W bị cáo được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đang áp dụng đối với các bị cáo Vũ Văn V, Nguyễn Thị H và Lê Văn T kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền các bị cáo Vũ Văn V, Nguyễn Thị H và Lê Văn T, mỗi bị cáo số tiền là 5.000.000đ sung quỹ nhà nước.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.

5. Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền 6.000.000đ (gồm 3.000.000đ anh Th tự nguyện giao nộp và số tiền 3.000.000đ do bị cáo T giao nộp) được niêm phong trong 02 bì thư niêm phong có ghi số 228, 279 có chữ ký của những người tham gia niêm phong, dấu của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang.

+ Tịch thu, phát mại, sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X 64 GB, màu trắng bên trong lắp sim số 0965.002.795; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A8, màu trắng lắp sim số 0966.848.942 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max 64GB, màu trắng lắp sim số 0969.703.498.

(*Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữ Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang ngày 16 tháng 9 năm 2021*).

6. Về án phí: Buộc các bị cáo Vũ Văn V, Nguyễn Thị H và Lê Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến

quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS - CA huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Hải